

Bản án số: 638/2024/DS-ST
Ngày: 07/8/2024.
Về việc tranh hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Hué

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 456/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2024/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 239/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số A đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim O, sinh năm 1996; địa chỉ: Số D đường E, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 29/7/2023) (Có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Vũ Đình H, sinh năm 1983; địa chỉ hộ khẩu: Số H đường số I, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang ở trong trại tạm giam số 1 – Công an TP. H (Vắng mặt);

2. Bà Đỗ Thị Ph, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số H đường số I, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim O trình bày:

Ngày 28/7/2020, bà Nguyễn Thị L có cho ông Vũ Đình H và vợ là bà Đỗ Thị Ph vay tổng số tiền là 214.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn kinh doanh. Hai bên có lập giấy vay tiền đề ngày 28/7/2020, không thỏa thuận về lãi suất vay. Bà L đã giao đủ số tiền vay trên cho vợ chồng ông H.

Theo nội dung giấy vay tiền, ông H cam kết đến ngày 28/8/2020 sẽ trả lại cho Bà L số tiền vay là 214.000.000 đồng. Nếu không trả được thì vợ là bà Đỗ Thị Ph sẽ trả thay, vì tin tưởng vợ chồng ông H, bà Ph nên Bà L mới cho vay tiền. Tuy nhiên, đến ngày 28/8/2020 ông H và bà Ph không trả số tiền vay 214.000.000 đồng như đã cam kết, nên Bà L đã khởi kiện yêu cầu ông H và bà Ph trả khoản nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán. Ngày 30/8/2023 Bà L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản chi phí 14.000.000 đồng và Bà L có yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán, tạm tính từ ngày 29/8/2020 đến ngày khởi kiện là 29/7/2023 (35 tháng), mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi là 58.333.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà O là người đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với toàn bộ khoản nợ lãi và không yêu cầu ông H và bà Ph phải thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng, ông H đã thừa nhận. Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. ông H, bà Ph không trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bà L nên yêu cầu ông H và bà Ph phải trả khoản nợ trên cho Bà L.

Về nghĩa vụ trả nợ, Bà L yêu cầu bà Ph cùng chịu trách cùng với ông H trả nợ. ông H và bà Ph là vợ chồng, khoản nợ vay trong thời kỳ hôn nhân. Tại thời điểm vay ông H trình bày với Bà L do hoàn cảnh vợ chồng khó khăn trong làm ăn, thiếu tiền chi tiêu, tiền ăn học cho các con, Bà L tin tưởng lời nói ông H nên mới cho vay. ông H cam kết nếu ông không trả nợ thì bà Ph là vợ ông trả thay. Nếu ông H sử dụng khoản vay tiêu dùng cá nhân không phải để làm ăn tạo thu nhập, chi tiêu trong gia đình, là một người chồng, người cha, ông H không tự ràng buộc vợ mình trả nợ thay để bản thân lấy tiền tiêu xài cá nhân. Mặt khác, ông H không chứng minh được mục đích vay để tiêu xài cá nhân trong khi việc chứng minh nằm trong khả năng ông H. Trong thời gian 01 tháng với tiêu xài bình thường thì một mình ông H khó có thể sử dụng hết số tiền vay trên, chưa kể trong khi vợ con đang khó khăn mà ông H sử dụng số tiền trên để tiêu dùng cá nhân là điều vô lý. Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì khoản nợ phát sinh từ giao dịch do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014, Điều 357 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông H và bà Ph phải trả cho Bà L số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông H và bà Ph không trả nợ thì phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị đơn:

- Ông Vũ Đình H trình bày tại bản khai ngày 15/4/2024. Ông được biết bà Nguyễn Thị L có làm đơn khởi kiện ông ra Tòa. Vào ngày 28/7/2020 ông có sang nhà Bà L để vay Bà L số tiền 200.000.000 đồng và ông có hứa trả lãi hàng tháng là 14.000.000 đồng kể từ tháng 7/2020. Mục đích vay là sử dụng chi tiêu cho cá nhân ông. Việc ông vay tiền do ông tự đứng ra vay, không liên quan đến vợ ông là bà Đỗ Thị Ph, vợ ông hoàn toàn không biết đến việc ông vay khoản tiền trên của Bà L. Trong giấy vay nợ ông có ghi “*Nếu tôi không trả được thì vợ tôi là Đỗ Thị Ph sẽ trả thay*” là chỉ để Bà L yên tâm cho ông vay tiền. Bà L có đề nghị ông phải trả tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 29/8/2020 đến ngày xét xử ông thấy như vậy là không đúng, vì kể từ thời điểm vay cho đến ngày ông bị bắt giam 31/3/2021 ông đều trả đầy đủ 14.000.000 đồng hàng tháng cho Bà L, chuyển khoản cho ông Linh con rể Bà L tại Ngân hàng Techcombank. Do ông ở trong trại giam nên không thể trích xuất tài khoản ngân hàng cung cấp cho Tòa được. Đối với việc Bà L khởi kiện yêu cầu ông trả lãi ông không đồng ý. Do ông bị bắt giam từ 31/3/2021 nên không có điều kiện kinh tế cũng như khả năng để trả lãi cho Bà L. Ông xin được trả tiền gốc cho Bà L 200.000.000 đồng. Ông xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải của Tòa án.

- Bà Đỗ Thị Ph trình bày tại bản khai ngày 12/12/2023. Bà là vợ của ông Vũ Đình H. Toàn bộ khoản vay 200.000.000 đồng của ông H theo giấy vay tiền ngày 28/7/2020 bà hoàn toàn không hay biết việc vay nợ này. Ông H không bàn bạc với bà về việc vay tiền trên. Bà L cũng không trao đổi gì với bà về số tiền cho ông H vay. Ông H vay sử dụng vào việc gì bà không biết, không đưa tiền cho bà, số tiền ông H vay cũng không sử dụng gì cho gia đình. Việc ông H cam kết nếu ông H không trả nợ thì bà là người trả thay, bà không đồng ý vì bà chưa từng cam kết trả thay ông H, ông H tự ý ghi và không bàn bạc gì với bà. Bà không đồng ý với đơn khởi kiện của Bà L yêu cầu bà cùng với ông H phải trả nợ 200.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy vay tiền ngày 28/7/2020. Việc ông H vay tiền Bà L, ông H tự chịu trách nhiệm. Từ nhiều năm nay ông H ra ngoài làm ăn mượn rất nhiều người, nhiều nơi kể cả làm ăn phi pháp dẫn đến đã bị bắt (thông báo số 89/PC02 (D9) ngày 01/04/2021 của Công an TP. H).

Các bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ph đến Tòa ghi bản khai và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện và vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ông H có bản khai trình bày ý kiến và xin vắng mặt trong các buổi hòa giải tại Tòa án. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 17/4/2024 theo quy định pháp luật và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp cho ông H và bà Ph được biết.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể:

+ Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng;

+ Thẩm quyền giải quyết: Thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền; thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vũ Đình H trả cho bà Nguyễn Thị L số nợ gốc là 200.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu buộc bà Ph chịu trách nhiệm cùng ông H trả số nợ 200.000.000 đồng cho Bà L.

- Nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ phí 14.000.000 đồng, nội dung thay đổi yêu cầu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện ông Vũ Đình H và bà Đỗ Thị Ph, yêu cầu trả khoản nợ vay theo giấy vay tiền lập ngày 28/7/2020, đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định của Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận G, TP. Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn: bà Ph có đơn xin vắng mặt, ông H đã được triệu tập hợp lệ, ông H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ vay. Căn cứ lời khai của nguyên đơn; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền lập ngày 28/7/2020. Nội dung giấy vay tiền thể hiện ông H vay Bà L số tiền 200.000.000 đồng và chi phí là 14.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 28/8/2020 ông H thanh toán lại số tiền 214.000.000 đồng và ông H xác nhận đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng. Tại bản khai ngày 15/4/2024 ông H cũng thừa nhận có vay Bà L số tiền 200.000.000 đồng. Căn cứ giấy vay tiền nêu trên, nội dung thỏa thuận về việc vay tiền cũng như trách nhiệm trả nợ phù hợp quy định của pháp luật nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể: Theo quy định tại Điều 280 “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”; Căn cứ Điều 463 thì đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về thời hạn trả nợ; Quy định tại khoản 1 Điều 466 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bà L. Từ những căn cứ trên, đủ cơ sở buộc ông H trả cho Bà L khoản nợ gốc 200.000.000 đồng, theo giấy vay nợ lập ngày 28/7/2020.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Ph cùng chịu trách nhiệm với ông H trả khoản nợ 200.000.000 đồng cho Bà L. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ về quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà Ph. Theo bản trích lục giấy chứng nhận kết hôn số 1055/2023/TLGCKH-BS ngày 11/12/2023 thể hiện ông H và bà Ph là vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của các đương sự. Xét nội dung giấy vay tiền ngày 28/7/2020 thể hiện ông H vay Bà L số tiền 200.000.000 đồng và thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 28/8/2020. Phía đại diện nguyên đơn cũng xác nhận theo nội dung giấy vay tiền trên thì ông H là người đứng ra giao dịch ký giấy vay tiền với Bà L, ông H cũng là người nhận tiền vay và cam kết trả nợ. Việc Bà L cho ông H vay tiền cũng không thông báo gì với bà Ph. Bị

đơn cũng không thừa nhận đây là khoản vay chung. Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh trách nhiệm chung của ông H và bà Ph đối với khoản vay. Như vậy, không đủ cơ sở để xác định khoản vay trên của ông H nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, ông H phải tự chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho Bà L. Nguyên đơn chỉ căn cứ giấy vay tiền do ông H ghi “Nếu tôi không trả được thì vợ tôi là bà Đỗ Thị Ph trả thay” và cho rằng khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên nguyên đơn căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để yêu cầu bà Ph cùng chịu trách nhiệm với ông H trả nợ cho Bà L là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, ông Vũ Đình H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho Bà L. Do đó, Bà L yêu cầu ông H thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc 200.000.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với khoản tiền 14.000.000 đồng, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số nợ gốc 214.000.000 đồng. Ngày 30/8/2023 Bà L có đơn xin rút lại khoản chi phí 14.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền ngày 28/7/2020. Xét thấy nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối khoản tiền 14.000.000 đồng, việc thay đổi nằm trong phạm vi khởi kiện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 14.000.000 đồng.

[6] Về tiền lãi, theo yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 29/8/2020 đến ngày làm đơn kiện 29/7/2023 là: 58.333.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại yêu cầu không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán. Xét thấy, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do phần yêu cầu khởi kiện của Bà L buộc ông H trả nợ được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí là 10.000.000 đồng.

Một phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi (có làm đơn xin miễn án phí) nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 280, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Vũ Đình H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), theo giấy vay tiền ngày 28/7/2020. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc bà Đỗ Thị Ph cùng chịu trách nhiệm với ông Vũ Đình H trả cho Bà L khoản nợ 200.000.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 28/7/2020.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị L được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thành Huế